

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2019

Số: 1686...../BC-VISHIPEL

BÁO CÁO

Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất (Năm báo cáo: 2019)

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn năm 2016-2018

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2016- 2018 đạt được như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
- Doanh thu và thu nhập khác	375,67	371,56	357,55
- Lợi nhuận trước thuế	28,07	29,03	29,10
- Nộp ngân sách nhà nước	20,53	16,10	16,39

1.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao

1.2.1. Sản xuất cung cấp dịch vụ công ích Thông tin duyên hải (TTDH)

Trong giai đoạn 2016-2018, Công ty đã tổ chức thực hiện quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam gồm 33 Đài để cung cấp dịch vụ công ích TTDH và đã hoàn thành khối lượng, chất lượng cung ứng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia và quốc tế (IMO, ITU, IMSO, Cospas-Sarsat) đảm bảo duy trì thông tin liên lạc cho các phương tiện hoạt động trên biển, phục vụ thông tin cho công tác tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai trên biển, công tác an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường biển... Kết quả cung cấp dịch vụ công ích TTDH cụ thể như sau:

- Dịch vụ trực canh cấp cứu: các Đài TTDH trực canh 24/7 đầy đủ trên các tần số và bằng các phương thức theo quy định. Trong 3 năm, hệ thống đã xử lý, truyền phát 1755 sự kiện thông tin cấp cứu khẩn cấp tới các đơn vị phối hợp tìm kiếm cứu nạn, trong đó, Hệ thống đã phục vụ thông tin tìm kiếm cứu nạn cho 170 sự kiện phương tiện gặp nạn trên biển.

- Dịch vụ phát thông tin an toàn hàng hải: Hệ thống đã nhận được 10.065 bản tin nguồn gồm cảnh báo hàng hải, cảnh báo khí tượng, thông tin tìm kiếm cứu nạn và dự báo thời tiết biển. Hệ thống đã xử lý và phát 469.579 lượt thông tin an toàn hàng hải phục vụ cho các phương tiện hàng hải an toàn trên biển trên các phương thức theo quy định.
- Dịch vụ kết nối thông tin ngành hàng hải: Công ty đã duy trì hoạt động ổn định của Hệ thống Email, Website, Cổng thông tin, các phần mềm ứng dụng tại Cục Hàng hải Việt Nam gồm hai nhóm phần mềm: nhóm phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; và nhóm phần mềm phục vụ quản lý nhà nước chuyên ngành.
- Dịch vụ thông tin LRIT: với việc duy trì hoạt động ổn định theo chế độ 24/7 Đài thông tin nhận dạng và truy theo tầm xa LRIT, đến cuối năm 2018 Công ty cung cấp thông tin LRIT của 476 tàu Việt Nam, 11.949 tàu nước ngoài cho các cơ quan quản lý nhà nước sử dụng cho mục đích an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường và hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải; đồng thời cung cấp thông tin phục vụ tìm kiếm cứu nạn cho các quốc gia khác (NDC).
- Thực hiện tiếp nhận, xử lý và phân phối dữ liệu báo động Cospas-Sarsat từ VNMCC tới SPOC của Lào, Campuchia đầy đủ, chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu của Tổ chức Cospas-Sarsat và các Biên bản ghi nhớ đã ký kết giữa Việt Nam với các nước Lào và Campuchia. Trong giai đoạn 2016-2018, VNMCC đã tiếp nhận, xử lý, phân phối dữ liệu báo động Cospas-Sarsat tới SPOC Lào là 124 sự kiện và tới SPOC Campuchia là 157 sự kiện;

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nhiệm vụ thu nhận thông tin an ninh hàng hải qua hệ thống NAVTEX. Giai đoạn 2016-2018, Hệ thống đã thu nhận, xử lý và truyền phát 458 bản tin thông tin an toàn liên quan đến an ninh hàng hải trên Biển Đông như hoạt động của giàn khoan, diễn tập quân sự, bắn đạn thật... đến Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.

1.2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công ích, Công ty đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Dịch vụ viễn thông

Thực hiện cung cấp bao gồm dịch vụ thông tin vệ tinh Inmarsat, VSAT, dịch vụ vô tuyến điện tàu bờ, VoIP và các dịch vụ khác giá trị gia tăng khác...

Để đảm bảo duy trì, phát triển ổn định các dịch vụ viễn thông, Công ty đã không ngừng đổi mới theo hướng tăng cường chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện thuận tiện cho người sử dụng, cùng các giải pháp về Marketing,... qua đó đã thúc đẩy sự tăng trưởng của dịch vụ thông tin vệ tinh Inmarsat và VSAT,... để bù đắp sự suy giảm lớn của dịch vụ bán lại sim thẻ điện thoại và dịch vụ VoIP.

b) Dịch vụ công nghệ thông tin

Thực hiện cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin như Quản lý tàu, Hosting và thuê máy chủ, Hội nghị trực tuyến, phát triển các sản phẩm phần mềm,...

Nhằm phát triển dịch vụ, Công ty đã thực hiện kiện toàn hạ tầng mạng, đổi mới tổ chức các hoạt động sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, mở rộng đối tượng khách hàng,... qua đó đã cải thiện được doanh thu.

c) Dịch vụ truyền thông

Công ty tiếp tục thực hiện việc tuyên truyền Công ước SOLAS, phổ biến pháp luật về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phát các bản tin hoạt động nghề cá và các hợp đồng phát cảnh báo hành hải cho một số doanh nghiệp dầu khí với số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu, góp phần mang lại doanh thu cho Công ty.

d) Kinh doanh, lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị

Thực hiện kinh doanh cung cấp thiết bị vô tuyến điện, nghi khí hàng hải, thiết bị hỗ trợ đánh bắt hải sản,... và cung cấp các dịch vụ khoa học kỹ thuật cho các đối tượng khách hàng là tàu hàng, tàu dầu, tàu đánh bắt hải sản và các phương tiện khác.

e) Dịch vụ công

Công ty đã thực hiện tốt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông công ích di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn cho tàu, thuyền đánh bắt hải sản trên biển (tàu cá).

Đồng thời, Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện nạo vét duy tu luồng hàng hải, đáp ứng đầy đủ yêu cầu chất lượng và khối lượng.

f) Đào tạo sỹ quan hàng hải trong lĩnh vực thông tin

Công ty đã tổ chức đào tạo thành công các khóa GOC, ROC cho các Công ty vận tải biển trong nước, Chi Cục kiểm ngư đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đào tạo. Đồng thời, tiếp tục hỗ trợ việc nghiên cứu, thực tập của sinh viên chuyên ngành điện tử viễn thông thuộc các trường Cao đẳng, Đại học tại Hải Phòng.

2. Tình hình đầu tư các dự án giai đoạn năm 2016-2018

- Xây dựng trung tâm đào tạo, chăm sóc sức khỏe, nơi lưu trú cho người lao động tại các đơn vị về Công ty làm việc, học tập và đào tạo tại Hải Phòng (2017-2019): đã hoàn thành thi công công trình và hiện đang nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Dự án Xây dựng trụ sở Công ty tại số 11 Võ Thị Sáu, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng: thực hiện điều chỉnh tiến độ sang giai đoạn 2019-2022 và được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-BGTVT ngày 22/11/2018.

- Bổ sung năng lực Đài TTDH Đà Nẵng: thực hiện điều chỉnh sang giai đoạn sau năm 2020 và được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-BGTVT ngày 22/11/2018.

- Nâng cao năng lực Đài vệ tinh Inmarsat: thực hiện điều chỉnh tiến độ sang giai đoạn sau 2020 và được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 2530/QĐ-BGTVT ngày 22/11/2018.

- Hoàn thành xây dựng công trình Đài TTDH Quy Nhơn (2017-2018).

3. **Những thay đổi chủ yếu trong giai đoạn năm 2016-2018 (những khoản đầu tư lớn, ...):** Không phát sinh

4. **Thuận lợi, khó khăn chủ yếu và các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty**

4.1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải ngày càng chặt chẽ, đầy đủ hơn như xây dựng, ban hành Thông tư số 05/2019/TT-BGTVT ngày 29/01/2019 của Bộ Giao thông vận tải Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu dịch vụ TTDH.

- Tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, đồng lòng cùng nhau chủ động quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao cũng như hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đề ra, đảm bảo sản xuất và cung cấp dịch vụ Thông tin duyên hải chất lượng tốt nhất tại Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Có nguồn nhân lực có chất lượng cao;

- Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học, nắm bắt được xu hướng phát triển thông qua việc tham gia và có ý kiến đề trình tài liệu lên các cuộc họp xây dựng chính sách của các tổ chức quốc tế như IMO, IMSO, Cospas-Sarsat.

4.2. Khó khăn

- Do đặc điểm các đơn vị của Công ty trải dài trên nhiều khu vực địa lý khác nhau, thêm nữa đặc thù ngành nghề công việc của Công ty đòi hỏi nhân sự phải có trình độ đào tạo nhất định nên vấn đề nhân sự đối với Công ty luôn là một bài toán khó. Đối với các đơn vị ở vùng xa, nhân sự đáp ứng yêu cầu không nhiều, do vậy khó khăn trong việc tuyển dụng. Ngược lại, ở các thành phố lớn, với điều kiện làm việc và mức lương như hiện nay của Công ty không thể đảm bảo tuyển dụng và giữ chân người lao động có trình độ cao;

- Trong thời gian qua, thị trường kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng do hoạt động của ngành vận tải biển trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông hàng hải gặp khó khăn khi các Công ty vận tải biển có xu hướng tối ưu hoá chi phí sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc của các đội tàu;

- Thị trường truyền thống ngày càng bị thu hẹp.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 2530/QĐ-BGTVT ngày 22/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải.

- Đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ Thông tin duyên hải theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ đối với hoạt động sản xuất và cung cấp dịch vụ thông tin duyên hải.

- Tiếp tục tập trung phát triển nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.
- Gia tăng phát triển dịch vụ mới để duy trì tăng trưởng.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm giai đoạn 2016-2018 của Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông Vận tải.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ QLDN Bộ GTVT;
- Chủ tịch (để b/c);
- KSV;
- Các PTGD;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: HCTH, KHĐT.vh



TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN NGỌC QUANG

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1.	Tổng doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	375,67	371,56	357,55	350,00
2.	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	28,07	29,03	29,10	29,15
3.	Nộp ngân sách	tỷ đồng	20,53	16,10	16,39	15,00
4.	Sản phẩm dịch vụ công ích	Giờ hoạt động của hệ thống	8.784	8.760	8.760	8.760
5.	Kim ngạch xuất khẩu					
6.	Kế hoạch đầu tư phát triển					
a)	Nguồn vốn ngân sách					
b)	Vốn vay					
c)	Vốn khác					
7.	Tổng lao động	người	840	840	825	815
8.	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	90,98	92,29	95,42	97,12
a)	Quỹ lương quản lý	tỷ đồng	2,37	1,98	2,24	2,24
b)	Quỹ lương lao động	tỷ đồng	88,61	90,31	93,18	94,88